

Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục nghề phổ thông ở trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp số 5 Hà Nội gắn với kinh tế - xã hội địa phương : Luận văn ThS. Giáo dục học: 60 14 05 / Bùi Thị Hồng Vân ; Nghd. : GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

- Dưa trên những trụ cột của GD toàn cầu trong thế kỷ 21, Jacques Delors - Chủ tịch Ủy ban quốc tế về GD của UNESCO đã khuyến cáo các quốc gia cần phải bám vào 4 trụ cột: Học để biết (Learning to know), học để làm (Learning to do), học để chung sống (Learning to live together) và học để tồn tại (Learning to be). Trong đó, trụ cột thứ 2 là rất quan trọng. Nhưng muốn làm việc có hiệu quả cao thì thế hệ trẻ phải được định hướng nghề nghiệp và chuẩn bị tâm thế về nghề một cách chu đáo ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường PT. Xoay chuyển được nhận thức này ở VN đang là điều cấp thiết và cũng rất khó khăn.

- Căn cứ văn kiện Đại hội IX: "Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau trung học, chuẩn bị cho thanh niên đi lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương". Song trong nhiều năm qua, công tác hướng nghiệp và chuẩn bị nghề cho HS sau trung học còn nhiều yếu kém và chưa được quan tâm đúng mức. *Sự yếu kém này còn có nguyên nhân từ tâm lý phổ biến của PH và HS coi ĐH là con đường tiến thân duy nhất.* Tình hình đó góp phần tạo ra sự mất cân đối trong cơ cấu phân luồng (tuyển sinh), cơ cấu đào tạo và không đáp ứng được nhu cầu nhân lực nhiều cấp độ cho sự phát triển KT-XH trong cả nước cũng như từng địa phương.

- Quận Cầu Giấy, Huyện Từ Liêm là Quận, Huyện có sức đô thị hóa rất nhanh, các doanh nghiệp phát triển rất nhanh cả về số lượng và chất lượng do đó kéo theo những yêu cầu khác nhau về nguồn nhân lực (cả về cơ cấu ngành nghề lẫn cấp độ tay nghề của nguồn nhân lực). Vấn đề đặt ra là cần phải phát triển công tác giáo dục nghề và định hướng nghề nghiệp cho HS để các em tự định hướng cho mình về nghề nghiệp của mình trong tương lai sao cho phù hợp với năng lực bản thân và phù hợp với nhu cầu xã hội, phù hợp với kinh tế địa phương để tránh tình trạng "li nông kèm theo li hương".

Vì những nguyên nhân cơ bản trên đây đã đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ cần phải *Giáo dục nghề cho HS* ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường để tạo cho các em HS kỹ năng nghề nghiệp ban đầu để có thể tự kiếm việc làm phù hợp khi chưa có điều kiện học lên cao hơn. Đồng thời góp phần cung cấp nguồn nhân lực tại chỗ cho các doanh

ng nghiệp đóng trên địa bàn; cung cấp nguồn lao động kỹ thuật đáp ứng chủ trương xuất khẩu lao động của địa phương; và giúp thể hệ trẻ chọn nghề phù hợp và có việc làm ổn định để làm giảm bớt các tệ nạn, từ đó góp phần ổn định an ninh, chính trị - xã hội cho địa phương.

Trong thời gian được học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc Gia Hà Nội, tôi nhận thấy việc quản lý hoạt động GDNPT của trung tâm trước đây chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn mới. Vì vậy tôi chọn đề tài *“Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục nghề phổ thông ở Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật Tổng hợp số 5 Hà Nội gắn với KT - XH địa phương”* làm luận văn tốt nghiệp khóa học.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động GDNPT nhằm nâng cao chất lượng hoạt động này theo hướng gắn với KT -XH địa phương, chuẩn bị tiền đề cần thiết cho phát triển nguồn nhân lực góp phần phát triển KT -XH địa phương

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu: Hoạt động GDNPT cho HS PT
- Đối tượng nghiên cứu: Quản lý hoạt động GDNPT gắn với KT - XH

4. Giả thuyết khoa học

Nguồn nhân lực, nhất là nhân lực lao động phổ thông có kỹ thuật cho vùng giáp ranh và ngoại thành Hà Nội còn nhiều bất cập cần có biện pháp khắc phục. Nếu các hoạt động GD nghề cho học sinh PT được quản lý theo cách tiếp cận vùng và dựa trên mối liên kết giữa trường PT, trung tâm GDKTTH (cơ sở đào tạo nghề) và doanh nghiệp ở địa phương thì sẽ nâng được chất lượng hoạt động GD nghề cho HS PT góp phần quan trọng phát triển nguồn nhân lực lao động kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH địa phương.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về GD nghề cho HSPT
- Nghiên cứu (khảo sát, phân tích) cơ sở thực tiễn của việc quản lý hoạt động GDNPT gắn với KT - XH địa phương. Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động GDNPT tại trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội.
- Đề xuất biện pháp QL hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Giáo dục nghề phổ thông (GDNPT) có thể cho đối tượng HSPT hoặc các đối tượng khác trong xã hội. Tuy vậy trong đề tài này chỉ đề cập đến hoạt động GDNPT cho HSPT (HSPT bao gồm HS THCS và HS THPT)
- Thời gian và không gian khảo sát:
 - + Thời gian nghiên cứu: Từ năm học 2009- 2011
 - + Không gian: Do điều kiện khách quan nên đề tài này chỉ tiến hành khảo sát theo mẫu bao gồm các trường THPT có thực hiện hoạt động GDNPT tại trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội.

7. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết:
- Các phương pháp phân tích, tổng hợp và hệ thống những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài qua sách báo, mạng Internet và tài liệu tham khảo:
- Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp điều tra phiếu hỏi; Các thuật toán để xử lý số liệu; Phương pháp phỏng vấn, xin ý kiến các chuyên gia.

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài đóng góp cho việc hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến QL cấp cơ sở.

Đề tài đóng góp một hệ thống các biện pháp cho việc quản lý hoạt động GDN cho HSPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội theo hướng gắn với KT-XH địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển dịch kinh tế của địa phương, đồng thời làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề khác.

9. Cấu trúc luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội trong bối cảnh hiện nay

Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội gắn với KT-XH địa phương.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP

1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu về vấn đề GDNPT

Trong những năm qua đã có công trình nghiên cứu về GDNPT ở trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp đó là: Tổ chức hoạt động giáo dục nghề phổ thông gắn với kinh tế xã hội ở vùng Duyên Hải miền Nam Trung bộ - Luận án tiến sỹ QLGD của tác giả Bùi Đức Tú - 2010.

Tuy nhiên trong đề tài ***"Biện pháp quản lý hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội gắn với KT - XH địa phương"*** chúng tôi muốn đi sâu vào công tác QL hoạt động GDNPT ở đơn vị chúng tôi và từ đó đề ra một số biện pháp QL nhằm nâng cao chất lượng GDN cho HSPT theo hướng gắn với KT - XH địa phương nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và có thể có những điều áp dụng cho các cơ sở khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.2. Một số khái niệm dùng trong đề tài

1.2.1. Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và Giáo dục hướng nghiệp

1.2.1.1. Giáo dục kỹ thuật tổng hợp (GDKTTH)

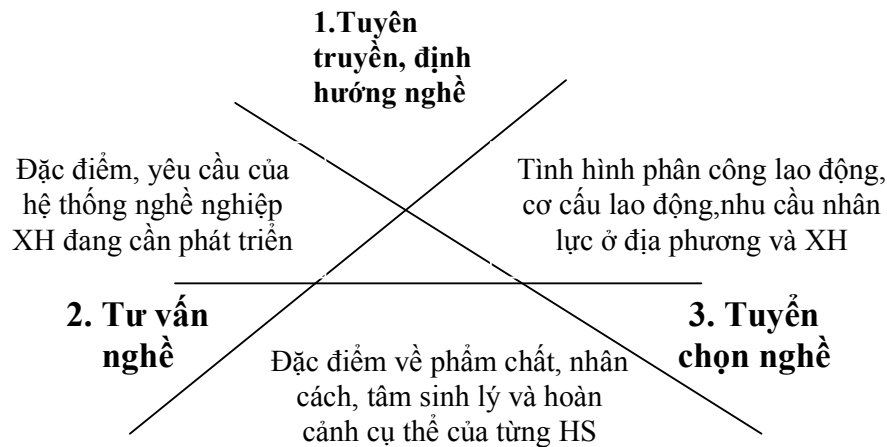
Theo K. Marx, GDKTTH là cho HS "làm quen với những nguyên lý cơ bản của tất cả các quá trình sản xuất và đồng thời trang bị cho trẻ em hay thanh thiếu niên những kỹ xảo sử dụng những công cụ đơn giản nhất của tất cả các ngành sản xuất". Mục tiêu của GDKTTH là hình thành ở HS người lao động tương lai - khả năng thích

ứng, khả năng di chuyển ngành nghề trong điều kiện cách mạng KH công nghệ biến đổi; Nhiệm vụ chính của GDKTTH là "Bù đắp lại những nhược điểm do phân công lao động gây nên, sự phân công này đã cản trở HS tiếp thu những kiến thức cơ bản về nghề nghiệp của mình". V. I. Lênin coi GDKTTH là nguyên tắc chủ đạo, bắt buộc đối với GDPT, để hình thành tri thức, kỹ năng trong từng HS.

1.2.1.2. Giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp

* Giáo dục hướng nghiệp: “GDHN là hệ thống những biện pháp GD trong và ngoài nhà trường dựa trên cơ sở tâm sinh lý của HS và cơ sở KT-XH, thông qua việc dạy học các môn văn hóa, môn công nghệ hoạt động GDNPT, hoạt động tư vấn nghề và các hoạt động ngoài giờ lên lớp để giúp HS có được sự lựa chọn nghề nghiệp vừa phù hợp với nhu cầu XH, vừa phù hợp với sở thích, năng lực, sở trường và hoàn cảnh của mỗi HS”. Việc GDHN dựa theo tam giác hướng nghiệp của K.K.Platonov và được sơ đồ hóa như sau:

Sơ đồ 1.1: Tam giác hướng nghiệp của K.K. Platonov



* Tư vấn hướng nghiệp (TVHN)

Nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước đều cho rằng tư vấn hướng nghiệp là những tác động của nhà tư vấn làm bộc lộ ở HS những đặc điểm, phẩm chất, nhân cách, tâm lý của cá nhân; trên cơ sở đó, nhà tư vấn đối chiếu với những yêu cầu đòi hỏi, những nhu cầu của xã hội về nghề nghiệp để đưa ra những lời khuyên có tính KH giúp các em có sự lựa chọn tối ưu nhất về nghề nghiệp tương lai. Để tư vấn hướng nghiệp có KH, ngoài việc thực hiện các trắc nghiệm đo đặc điểm tâm sinh lý... cần phải dựa vào kết quả quá trình HS tham gia lao động sản xuất, nhất là tham gia hoạt động GDNPT.

1.2.2. Nghề và giáo dục nghề nghiệp

1.2.2.1. Nghề và nghề đào tạo

Theo nghĩa chung, nghề là tập hợp các hoạt động lặp đi lặp lại của người lao động nhằm hoàn thành những nhiệm vụ nhất định theo sự phân công lao động của xã hội. Chúng tôi cho rằng một người chỉ có thể biến một công việc thành một nghề thực sự theo phương châm “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” nếu người đó phù hợp với yêu cầu của nghề, say sưa yêu nghề, biết vận dụng sáng tạo những điều đã học được vào thực

tiền sản xuất. Để có một nghề và hành nghề thuận lợi, người ta phải làm nghiêm túc trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp

1.2.2.2. Giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục nghề nghiệp được hiểu là quá trình ĐT để người học lĩnh hội được các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo ở một trình độ nhất định của một nghề hoặc một chuyên ngành cụ thể và hình thành ở họ những phẩm chất, nhân cách nghề nghiệp tương ứng.

1.2.3. Nghề phổ thông và hoạt động giáo dục nghề phổ thông

1.2.3.1. Nghề phổ thông (NPT)

Nghề phổ thông là những nghề thông dụng phổ biến, có mức độ kỹ thuật tương đối đơn giản; tổ chức dạy học không phức tạp về trang thiết bị và quy trình triển khai; nguyên vật liệu và phôi dễ kiếm, dễ tạo, rẻ tiền; thời gian học nghề ngắn, chi phí đào tạo ít.

1.2.3.2. Hoạt động giáo dục nghề phổ thông

Hoạt động GDNPT được hiểu là những hoạt động nhằm truyền thụ các tri thức, kỹ năng nghề nghiệp ban đầu đồng thời GD thái độ nghề nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho HS.

Mục tiêu của hoạt động GDNPT không phải là dạy nghề thuần túy mà GD nghề gắn với mục tiêu kép như sau: rèn kỹ năng nghề nghiệp ban đầu và thử năng lực lao động nghề nghiệp để biết mức độ phù hợp nghề giúp HS có ý thức chọn nghề cho phù hợp với năng lực của mình góp phần phân luồng HS; bước đầu chuẩn bị hành trang cho HS đi vào lao động nghề tương lai. Đây là khâu kết hợp kết hợp giữa GDNPT và GDHN. GDNPT không phải là dạy nghề theo đúng nghĩa của nó. **Nếu** mục tiêu của dạy nghề là tạo nên những người lao động với trình độ từ sơ cấp đến cao đẳng nghề, những nhân viên dịch vụ, những người lao động trực tiếp cho ngành nghề của xã hội **thì** mục tiêu của hoạt động GDNPT chỉ giúp cho *HS có năng lực nghề ban đầu* để đi vào mọi ngành nghề trong tương lai. Vì vậy hoạt động GDNPT chỉ có tính chất là GD KTTH, tạo tiền đề "vật chất" để HS lựa chọn đi vào các ngành nghề trong tương lai góp phần phân luồng HS.

1.2.4. Quản lý và quản lý hoạt động GDNPT

1.2.4.1. Khái niệm quản lý

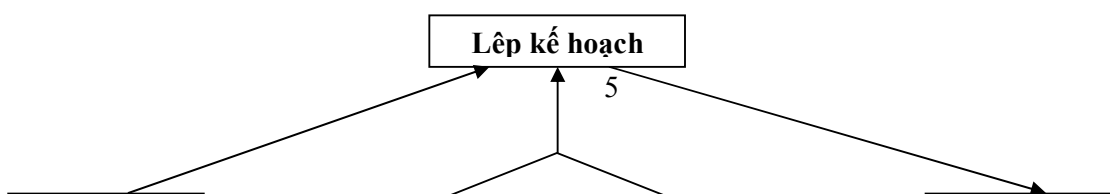
* *Khái niệm về quản lý:* Theo GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc và TS. Nguyễn Quốc Chí định nghĩa về quản lý là: "Tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (người quản lý) đến khách thể quản lý (người bị quản lý) - trong một tổ chức- nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích tổ chức". Hiện nay, khái niệm này được định nghĩa một cách rõ hơn: "Quản lý là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra."

* *Chức năng của quản lý:*

Quản lý có những chức năng sau: Kế hoạch hoá; Tổ chức; Chỉ đạo; Kiểm tra

Bốn chức năng của quản lý có mối liên quan, ảnh hưởng tác động lên nhau và chúng luôn luôn chịu tác động của những thông tin liên quan ở trong và ngoài hệ thống. Mối quan hệ giữa bốn chức năng đó và với thông tin có thể được thể hiện bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Chức năng của quản lý



1.2.4.2. Quản lý hoạt động GDNPT

Trên cơ sở khái niệm về hoạt động GDNPT và khái niệm QL có thể hiểu QL hoạt động GDNPT là QL các thành tố sau:

* QL quá trình diễn ra hoạt động GDNPT có thể được hiểu là QL quá trình dạy - học NPT, GDNPT bằng cách lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá và điều chỉnh. Để lập kế hoạch cho hoạt động GDNPT cần phải xác định mục tiêu cần đạt tới (mục tiêu này chịu sự chi phối của mục tiêu phát triển KT-XH); xác định cụ thể nội dung và cách thức (phương pháp) thực hiện; xác định các phương tiện và điều kiện bảo đảm cho quá trình thực hiện hoạt động GDNPT đạt được mục tiêu đề ra. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch chính là quá trình triển khai các nội dung đã được xác lập ra trong kế hoạch.

* QL con người tham gia hoạt động GDNPT gồm: Đối tượng QL (GV, HS), chủ thể QL (bộ máy QL, lãnh đạo); tạo một mạng lưới các quan hệ tổ chức giữa người trong hệ QL và những người trong hệ được QL; tuyển lựa, sắp xếp, quy hoạch, bồi dưỡng, ĐT cán bộ.

* QL CSVC và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động GDNPT bao gồm : Khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, CSVC kỹ thuật nhằm duy trì và phát triển công tác GDHN và dạy NPT; Phối hợp với trường PT làm công tác GDKTTH và hướng nghiệp cho học sinh; Liên kết với các cơ sở sản xuất, trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề khác... để tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nghề theo quy định của pháp luật; Phối hợp với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học và các tổ chức cá nhân khác trong việc nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ để gắn dạy nghề với việc làm.

1.3. Hoạt động GDNPT theo hướng gắn với KT-XH địa phương

1.3.1. Hoạt động GDNPT với việc cung ứng nguồn nhân lực phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH

Khái niệm nguồn nhân lực (Human resources): có thể hiểu nguồn nhân lực là tổng thể những tiềm năng về thể lực và nhân cách (trong đó có kỹ năng và thái độ nghề nghiệp) của người lao động đáp ứng nhu cầu phát triển KT - XH cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động của quốc gia, mỗi địa phương và mỗi vùng miền trong thời kỳ nhất định.

Yêu cầu về nguồn nhân lực: Các tiêu chuẩn của người lao động không chỉ dừng lại ở cần cù, chịu khó, đòi hỏi mức thù lao thấp... mà phải có kiến thức, kỹ năng, kỹ

xảo; có năng lực hợp tác theo nhóm, đội; có ý thức bảo vệ môi trường; có tác phong công nghiệp

Tổ chức tốt hoạt động GDNPT sẽ: Khắc phục tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ" và tình trạng xem thường người lao động chân tay; Chất lượng nguồn nhân lực thể hiện trên các tiêu chí về trình độ dân trí, trình độ và năng lực chuyên môn kỹ thuật, đạo đức và văn hóa nghề nghiệp cũng như tâm thế sẵn sàng tham gia lao động, sẵn sàng chuyển đổi nghề ... cũng sẽ được nâng dần lên trong HS; Góp phần ổn định và phát triển KT-XH. Để góp phần phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH, hoạt động GDNPT cần các yêu cầu sau:

Một là, yêu cầu phát triển GD trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Hai là, yêu cầu đổi mới GD PT được thể hiện trong chỉ thị 14/2001/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ: "Nâng cao chất lượng GD toàn diện, đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự học của HS; tiếp cận trình độ GD PT ở các nước trong khu vực và trên thế giới; tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân luồng sau THCS và THPT, chuẩn bị tốt cho HS học tiếp tục ở bậc trung học hoặc tham gia lao động ngoài xã hội"

Ba là, yêu cầu nâng cao chất lượng "kép": GDHN và GDNPT cho HS.

Bốn là, yêu cầu ĐT hướng tới đáp ứng nhu cầu xã hội

Năm là, yêu cầu đổi mới công tác QL GD.

1.3.2. Hoạt động GDNPT theo hướng gắn với KT - XH

Trong tiến trình CNH - HĐH với nền kinh tế nhiều thành phần, đòi hỏi một lực lượng lao động với cấu trúc đồng bộ và hợp lý về số lượng cũng như về trình độ tay nghề. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế lao động cần được tiến hành trên cơ sở nắm vững những hướng đi trong phát triển kinh tế của đất nước. Cụ thể như sau:

- Cơ cấu KT sẽ chuyển dịch mạnh, cơ cấu lao động sẽ chuyển hóa theo hướng CNH-HĐH

- Giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp. Do vậy, vấn đề GD và dạy nghề theo phương châm "ly nông - bất ly hương" trở nên cấp thiết. Đây là một trong những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động GDNPT gắn với KT - XH ở mỗi địa phương vì hoạt động này góp phần điều chỉnh sự mất cân đối về cơ cấu lao động, khắc phục tình trạng "thầy nhiều hơn thợ".

Để GDNPT theo hướng gắn với KT-XH cần thực hiện tốt các công việc sau:

(1). Mở rộng thêm các ngành nghề ĐT mới, chú trọng các ngành nghề truyền thống. Các ngành nghề mới phù hợp với việc chuyển dịch cơ cấu KT của địa phương,...

Hoạt động GDNPT cần lồng ghép GDHN và TVN để góp phần thực hiện "mục tiêu kép" GDHN và GDNPT cho HS. Quy trình lồng ghép GDHN và TVN như sau

- Quy trình tư vấn chọn nghề (trước khi HS đăng ký học NPT): gồm 3 bước

- Quy trình lồng ghép tư vấn hướng nghiệp trong quá trình thực hiện hoạt động GDNPT: gồm 7 bước

(2). Đổi mới phương pháp GDNPT theo hướng gắn với KT-XH thể hiện qua việc đổi mới quy trình buổi dạy học NPT. Bố trí phòng học và vị trí của HS gần giống

nghư trong xưởng sản xuất, chú trọng trực quan, thực hành mẫu, GV theo dõi HS thực hành sản xuất để uốn nắn sai sót, HS đánh giá chéo lẫn nhau, cuối cùng là GV kiểm tra, nhận xét, dặn dò.

Để bồi dưỡng kỹ năng hợp tác và tạo hứng thú khi học NPT, cần lưu ý sử dụng các phương pháp và hình thức sau đây: "làm việc cặp đôi"; "làm việc nhóm nhỏ"; "làm việc nhóm ngoài lớp". GV dạy NPT cần có sự linh hoạt trong việc tạo tình huống có vấn đề gắn với đặc điểm KT-XH của mỗi địa phương để rèn kỹ năng và hình thành thái độ nghề nghiệp cho HS.

(3). Kế hoạch QL, phát triển đội ngũ GV dạy NPT phù hợp với yêu cầu KT - XH

- Tổ chức cho GV xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và cách đánh giá kết quả học tập của HS.

- QL chất lượng đội ngũ thông qua các hoạt động dự giờ thăm lớp, sinh hoạt chuyên đề; QL các tổ chuyên môn, tuyển dụng đánh giá và ĐT, bồi dưỡng GV.

Trong QL quá trình diễn ra hoạt động GDNPT, GV vừa là đối tượng QL vừa là chủ thể của quá trình đó. Việc kiểm tra đánh giá GV căn cứ theo điểm 1 điều 25 Quy chế tổ chức và hoạt động trung tâm KTTH - hướng nghiệp. Do vậy khi đánh giá GV dạy NPT cần dựa trên mô hình nhân cách người GV dạy nghề của tác giả Nguyễn Đức Trí đề xuất.

(4). Kế hoạch chuẩn bị CSVC và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động GDNPT gắn với KT- XH.

Ban Giám đốc trung tâm phải căn cứ vào kế hoạch đổi mới chương trình ĐT theo hướng gắn với KT-XH và tình hình CSVC thực tế của trung tâm để có kế hoạch cụ thể:

- Kế hoạch xây dựng hoặc cải tạo xưởng trường (phòng thực hành), mua sắm các trang thiết bị cần thiết theo quy chuẩn để phục vụ giảng dạy và thực hành cho HS.

- Kế hoạch liên kết, phối hợp ĐT với các cơ sở ĐT nghề, cơ sở sản xuất,...trên địa bàn. Theo phương châm của hội thảo "Các giải pháp phân luồng HS sau THCS và THPT" do Bộ GD&ĐT tổ chức qua cầu truyền hình ngày 11.9.2009, kết luận: "Các nhà trường phải xây dựng quan hệ đối tác chiến lược đối với các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp là một đơn vị hướng nghiệp, thông qua việc tiếp nhận HS đến tham quan, học tập..." và để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế các doanh nghiệp không thể ngồi chờ nguồn nhân lực sẵn có mà phải tích cực, chủ động trong việc phối kết hợp với các trung tâm GDKTTH để hướng cho HS có sở thích, có năng lực sở trường phù hợp trở thành nhân lực của doanh nghiệp trong tương lai.

1.4. Vai trò của trung tâm GDKTTH trong hệ thống giáo dục quốc dân

Trung tâm GDKTTH là cơ sở ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, được thành lập và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Thế mạnh của trung tâm GDKTTH như sau:

(1). Do được đầu tư tập trung, nên trung tâm có điều kiện xây dựng được CSVC - kỹ thuật tương đối hiện đại,...đây là yếu tố để thực hiện gắn hoạt động GDNPT với KT-XH; (2). Trung tâm GDKTTH có khả năng thu hút lượng HSPT của nhiều trường trong khu vực đến học NPT, nên có thể thực hiện một cách thống nhất công tác dạy NPT; (3). Trung tâm GDKTTH là nhịp cầu dẫn dắt HS đi từ nhà trường PT hội nhập vào cơ sở sản xuất, dịch vụ, gắn hoạt động GDNPT với KT-XH; (4). Trung tâm GDKTTH có thể thiết lập những mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp ở địa phương; (5). Trung tâm GDKTTH có tổ chức dạy nhiều nghề ở nhiều lĩnh vực, nhóm nghề khác nhau cho phép HS lựa chọn

Tiểu kết chương 1

Khái niệm hoạt động GDNPT có mối quan hệ hữu cơ với các cặp khái niệm như GD KTTH; GDHN; GD nghề nghiệp. Hoạt động GDNPT góp phần quan trọng vào việc cung ứng nguồn nhân lực phát triển và ổn định KT-XH cho đất nước và địa phương.

Quản lý hoạt động GDNPT gắn với KT-XH trên hai phương diện: Một là, xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá hoạt động GDNPT. Hai là, QL hoạt động GDNPT phải hướng tới phục vụ phát triển KT-XH bằng việc góp phần phát triển nguồn nhân lực theo định hướng phát triển của từng địa phương, vùng miền.

Trên cơ sở lý luận về hoạt động GDNPT gắn với KT-XH đã trình bày trên. Tôi đã tiến hành nghiên cứu thực trạng về việc QL hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội và đặc điểm KT-XH Quận Cầu Giấy, Huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội. kết quả nghiên cứu đã được trình bày ở chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QL HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP SỐ 5 HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

2.1. Khái quát tình hình KT - XH địa phương (quận Cầu Giấy, huyện Từ Liêm)

2.1.1. Tình hình cơ cấu kinh tế - xã hội địa phương

Cầu Giấy là quận được thành lập theo Nghị Quyết 74 CP ngày 21/11/1996 của Chính Phủ. Quận nằm ở phía tây của thủ đô Hà Nội. Từ một vùng đất ven nội, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, kinh tế còn nghèo nàn, hạ tầng cơ sở yếu kém, giờ đây Cầu Giấy là quận nội thành với kết cấu hạ tầng đô thị ngày càng văn minh hiện đại. Kinh tế phát triển mạnh theo cơ cấu: **dịch vụ - công nghiệp – nông nghiệp**.

Từ Liêm là huyện ngoại thành nằm ở phía Tây của Thủ đô Hà Nội, được thành lập vào ngày 31/5/1961 theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ. Là huyện ven đô có truyền thống cách mạng lâu đời, có nhiều làng cổ đã tạo nên một vùng trù phú mang nhiều dấu ấn văn hóa lịch sử. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng của nghị quyết đại hội lần thứ XXI của Đảng bộ huyện là: Công nghiệp – dịch vụ, thương mại – nông nghiệp và đang dịch chuyển sang cơ cấu kinh tế của đô thị: **Dịch vụ, thương mại – công nghiệp – nông nghiệp**.

Tóm lại, cơ cấu kinh tế quận Cầu Giấy, huyện Từ Liêm đều chuyển dịch sang cơ cấu kinh tế của đô thị: **Dịch vụ, thương mại - công nghiệp - nông nghiệp.**

2.1.2. Tình hình GD - ĐT nghề của địa phương

Hệ thống cơ sở ĐT nghề vùng Cầu Giấy, Từ Liêm tăng cả về số lượng lẫn quy mô ĐT, nhất là lĩnh vực ĐT nghề. Nền kinh tế vùng Cầu Giấy, Từ Liêm đang mở ra cơ hội về việc làm của thanh niên. Điều này tác động tốt đến ý thức xã hội nói chung và của HS nói riêng về định hướng nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông. Tuy vậy trong thời gian qua việc định hướng nghề nghiệp cho HS còn một số hạn chế.

Một là, CSVC, đội ngũ GV, nội dung GDNPT chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

Hai là, tỷ lệ lao động qua ĐT nói chung và ĐT nghề nói riêng còn ở mức thấp; hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phân luồng HS sau THCS và THPT chưa được quan tâm và triển khai một cách hiệu quả

Ba là, chưa chú trọng GD ý thức công dân một cách đúng mức; hơn nữa GD chưa gắn với KT-XH địa phương nên chưa hun đúc được tình yêu để dốc sức học tập và gắn kết với lao động xây dựng quê hương trong HS.

Bốn là, việc huy động các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, PHHS tham gia công tác GD, ĐT, nhất là GDNPT chưa được chú trọng đúng mức.

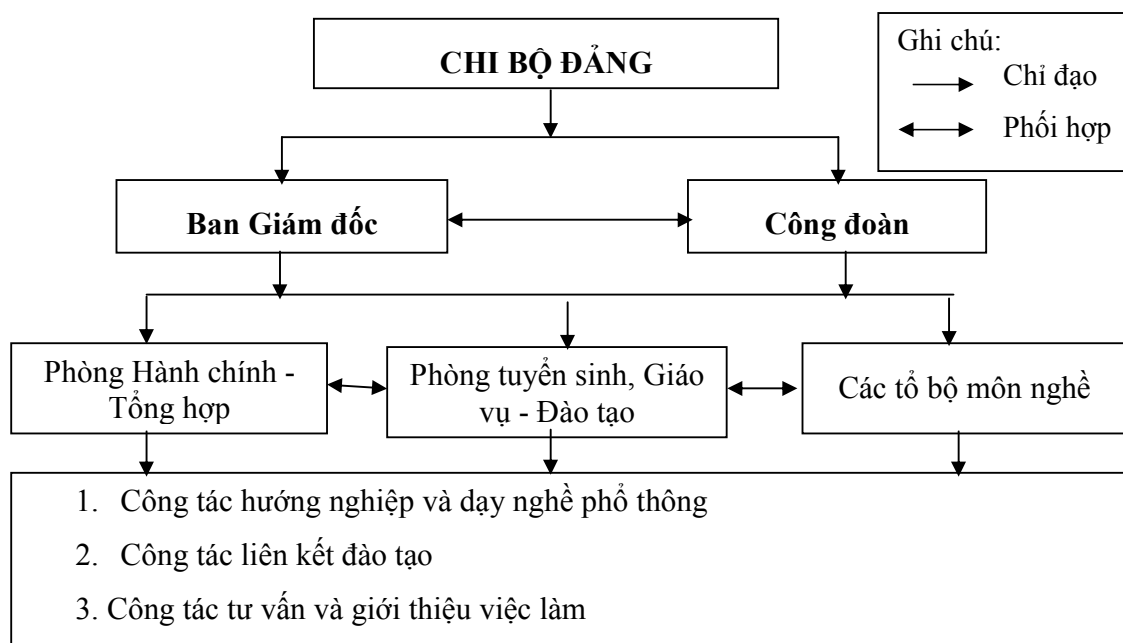
2.2. Thực trạng về trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội

Trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội được thành lập năm 1987. Trung tâm chịu sự quản lý của thành phố Hà Nội, quản lý chuyên môn của Sở GD-ĐT Hà Nội

Địa chỉ: Đường Hồ Tùng Mậu – Huyện Từ Liêm - Thành Phố Hà Nội.

* Cơ cấu tổ chức của trung tâm

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của trung tâm



*** Chức năng, nhiệm vụ của trung tâm**

Trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội là cơ sở ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân với chức năng nhiệm vụ thực hiện theo điều 3 Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (áp dụng chung cho cả trung tâm GDKTTH) ban hành kèm theo Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Ngành nghề đào tạo**

Trung tâm ĐT NPT cho học sinh lớp 11 các trường THPT trong và ngoài công lập trên địa bàn Quận Cầu Giấy, Huyện Từ Liêm và một số trường THCS trên địa bàn với 8 NPT khác nhau, số HS theo học tại trung tâm được thống kê 3 năm gần đây như sau:

Bảng 2.1: Thống kê số học sinh theo các ngành học tại trung tâm 3 năm gần đây

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	SỐ HỌC SINH						Ghi chú
		2009-2010		2010-2011		2011-2012		
		THCS	THPT	THCS	THPT	THCS	THPT	
1	Tin học văn phòng	350	1234	588	1099	588	1099	
2	Điện dân dụng		147		308	55	319	
3	Điện tử		176		118		170	
4	Sửa chữa xe máy		292		280		276	
5	Thêu tay		280		336		331	
6	Làm hoa nghệ thuật	40	310	99	535	45	497	
7	May công nghiệp		344		285		313	
8	May dân dụng		147		131		123	
CỘNG:		390	3091	687	3092	688	3128	

*** Hệ đào tạo liên kết:** Trung cấp nghề tin học ứng dụng; tin học; kế toán

*** Công tác hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông:**

Trung tâm phối hợp với các trường THPT, THCS trên địa bàn quận Cầu Giấy, huyện Từ Liêm để làm công tác GDHN và dạy NPT cho HS. Ngoài ra trung tâm còn phối kết hợp với các trường PT để tổ chức giáo dục hướng nghiệp và dạy NPT cho HS ngay tại trường PT nâng số HS được giáo dục hướng nghiệp và học NPT trên địa bàn lên tới trên 4000 em.

*** Công tác tư vấn và giới thiệu việc làm:**

Trung tâm đã và đang tạo mối quan hệ với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để tìm hiểu nhu cầu việc làm để tổ chức hướng nghiệp cho phù hợp; triển khai công tác giới thiệu HS sau khi tốt nghiệp cho các doanh nghiệp có nhu cầu; hợp đồng đào tạo và bồi dưỡng nghề cho các doanh nghiệp đóng trên địa bàn và các vùng lân cận.

*** Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ các phòng ban, giáo viên của trung tâm**

Bảng 2.2: Thống kê đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế và hợp đồng chỉ tiêu

Số CB	Th.	Trình độ CM	Trình độ tin học	Trình độ
-------	-----	-------------	------------------	----------

	Sỹ								Ngoại ngữ	
		ĐHSP	ĐH khác	CĐ	Tr. Cấp	CNKT	ĐH&CĐ	C.Chỉ	ĐH	C.Chỉ
23	1	15	2	0	5	0	8	15	1	22
Tỉ lệ %	4,3	65,6	8,6	0	21,5	0	34,4	65,6	4,3	95,7

Bảng 2.3: Thống kê đội giáo viên hợp đồng thời vụ (thỉnh giảng) và nhân viên hợp đồng thời vụ

Số CB	Th. Sỹ	Trình độ CM					Trình độ tin học		Trình độ Ngoại ngữ	
		ĐHSP	ĐH khác	CĐ	Tr. Cấp	CNKT	ĐH&CĐ	C.Chỉ	ĐH	C.Chỉ
10	0	7	0	2	1	0	5	5	0	10
Tỷ lệ %	0	70	0	20	10	0	50	50	0	100

*** Cơ sở vật chất**

Phòng thực hành: 13 phòng; Phòng lý thuyết: 10 phòng; Phòng làm việc và các phòng chức năng: 8 phòng; Các trang thiết bị phục vụ việc dạy và học như máy tính, máy chiếu,...

2.3. Thực trạng về quản lý hoạt động GDNPT tại trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội trong giai đoạn hiện nay

Trong những năm qua lãnh đạo trung tâm đã có những đổi mới trong công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng GDNPT thể hiện rõ ở các khâu kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá.

- Vấn đề chất lượng GDNPT ở trung tâm rất được chú trọng mặc dù chất lượng GDNPT phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: Chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy, cơ chế QL, động cơ học tập của HS. Để có ý kiến đánh giá khách quan chúng tôi đã khảo sát HS đang học tại trung tâm về: Phương pháp giảng dạy và kỹ thuật giảng dạy của GV và sự hứng thú của HS đối với NPT đang theo học. Đồng thời cũng tiến hành khảo sát CBQL, GV về cơ cấu ngành nghề đào tạo, nội dung chương trình các môn học (môn NPT) và CSVC phục vụ các ngành nghề đào tạo tại trung tâm. Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2.4: Kết quả khảo sát HS về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy của giáo viên và mức độ hứng thú của HS đối với NPT đang theo học

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Tốt	Bình thường	Không có ý kiến
I. Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy của giáo viên			
1. Giáo viên truyền tải nội dung rõ ràng, dễ hiểu	15%	75%	10%
2. Giáo viên kết hợp các phương pháp giảng dạy như trực quan, nêu vấn đề, làm mẫu, thảo luận nhóm... và các hoạt động khác nhau để giúp bạn học tập có hiệu quả.	10%	85%	5%

3. Kỹ thuật giảng dạy của giáo viên rèn luyện cho bạn phương pháp suy nghĩ liên hệ giữa các vấn đề trong môn học với thực tiễn nghề nghiệp	13%	82%	5%
4. Giáo viên đã lồng ghép GDHN và TVNN vào các bài giảng	20%	70%	10%
5. Giáo viên giao tiếp với thái độ lịch sự và tạo cho HS cảm thấy hứng thú với môn học	20%	75%	5%
II. Hứng thú về NPT đang theo học của bản thân			
6. Môn học đã nâng cao kiến thức về lĩnh vực nghề mà bạn đang theo học	15%	75%	10%
7. HS đã lĩnh hội được nhiều kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề đó	10%	85%	5%
8. Nghề đang theo học phù hợp với nhu cầu của bản thân	30%	65%	5%
9. HS có nhu cầu học tiếp nghề đó không?	20%	75%	5%

Bảng 2.5: Kết quả khảo sát CBQL, GV về cơ cấu ngành nghề đào tạo, nội dung chương trình của các môn học (môn NPT) và CSVC phục vụ các ngành nghề đào tạo tại trung tâm

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Phù hợp	Bình thường	Không có ý kiến
1. Nội dung, chương trình của từng bộ môn nghề phù hợp với trình độ của HS	15%	75%	10%
2. Số lượng ngành nghề (NPT) đào tạo tại trung tâm phong phú, phù hợp với nhu cầu chọn nghề của HS	10%	85%	5%
3. Các môn học phù hợp với cơ cấu ngành nghề địa phương và có tính thực tiễn ứng dụng cao	20%	75%	5%
4. CSVC phục vụ các môn học phù hợp với yêu cầu của nghề ĐT	35%	50%	15%

- Vấn đề thu thập và xử lý thông tin cũng được trung tâm rất coi trọng . Để kiểm chứng chúng tôi đã thực hiện khảo sát đối với cán bộ giáo viên nhân viên (kể cả giáo viên thỉnh giảng) về việc thực hiện các chức năng QL kết quả cho thấy như sau:

Bảng 2.6: Kết quả khảo sát đánh giá việc thực hiện tốt các hoạt động của trung tâm theo 4 chức năng quản lý.

Chức năng QL Nội dung QL	Kế hoạch tốt	Tổ chức tốt	Lãnh đạo, chỉ đạo tốt	Kiểm tra – đánh giá tốt	Thông tin tốt
Công tác hướng nghiệp	70%	70%	65%	65%	70%
Công tác GDNPT	80%	80%	75%	75%	75%
Công tác phát triển đội ngũ	75%	70%	65%	60%	65%
Cơ sở vật chất/ tài chính	65%	55%	55%	60%	65%

- Đứng trước thực trạng hoạt động GDNPT thiếu sự chăm sóc chu đáo từ các cấp QL GD và của cả cộng đồng, cũng như tình trạng một bộ phận không nhỏ HS không quan tâm đến việc chọn học NPT nào và học như thế nào, chúng tôi tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi đối với CBQL; GV và PHHS để nhận diện thực trạng nhận thức về hoạt động GDNPT. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.7: Kết quả khảo sát ý kiến CBQL, GV, PHHS về thực trạng nhận thức về hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KET QUẢ		
		CBQL	GV	PHHS
1	Có tay nghề cao, khi tốt nghiệp sẽ có thể kiếm sống bằng nghề đó	15%	19%	75%
2	Có hiểu biết tương đối và có kỹ năng cơ bản của một nghề, khi tốt nghiệp sẽ chọn đúng nghề đó (thi vào các trường chuyên hoặc đi vào cuộc sống)	49%	51%	70%
3	Hiểu biết tương đối và có kỹ năng cơ bản của một nghề, khi tốt nghiệp sẽ xác định nhóm nghề phù hợp với bản thân	20%	20%	19%
4	GD ý thức tôn trọng lao động chân tay, tôn trọng thành quả lao động của cộng đồng	75%	74%	35%
5	Rèn tác phong công nghiệp, đáp ứng yêu cầu về nhân lực của công cuộc công nghiệp hóa, HĐH trong tương lai	77%	54%	37%
6	Áp dụng những kiến thức lý thuyết trong sách vở vào thực tiễn sản xuất	69%	65%	31%
7	Khỏi bị nhà trường trừ điểm thi đua và hạ bậc hạnh kiểm HS	70%	80%	90%
8	Được cộng điểm khuyến khích trong kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển lớp 10	65%	75%	90%

Từ kết quả trên đây có thể rút ra nhận định rằng CBQL và GV cũng có nhận thức tốt hơn về mục đích của hoạt động GDNPT song đa số PHHS (XH nói chung) chưa nhận thức được ý nghĩa đích thực của hoạt động GDNPT về hướng nghiệp, về tác phong công nghiệp nên chỉ có hơn ... Trong khi đó, hầu hết cho rằng học NPT cốt để cộng điểm khuyến khích

2.4. Đánh giá thực trạng về QL hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Đánh giá thực trạng: Việc QL đã bám sát vào chức năng, nhiệm vụ của trung tâm. Song với sự chuyển dịch cơ cấu KT của địa phương công tác QL hoạt động GDNPT còn nhiều hạn chế:

Một là: Công tác GDHN, tư vấn, chọn nghề cho HS chưa tốt, việc giác ngộ tình yêu nghề cho HS được tiến hành đồng bộ chưa tốt,...nên động cơ học tập của HS với nghề mờ nhạt,... Do đó việc định hướng chọn nghề của HS vẫn dựa trên cơ sở cảm tính.

Hai là: Chưa gắn kết tốt GDNPT với KT-XH địa phương. Cụ thể là số NPT mà trung tâm ĐT còn ít (mới thể hiện ở một số ngành kỹ thuật và dịch vụ); chưa có các nghề phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu KT-XH của địa phương (như các ngành về nhóm kinh tế thương mại, du lịch và công nghiệp); cách tổ chức thực hành nghề cho HS chưa sát với thực tế (chưa rèn được tác phong công nghiệp, chưa GD được tinh thần yêu lao động cũng như ý thức bảo vệ môi trường,...)

Ba là: Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ý nghĩa của việc học NPT chưa đạt yêu cầu. Cộng đồng còn đánh giá thấp về kết quả của hoạt động GDNPT do đó thiếu nhiệt tình tham gia.

Bốn là: Chưa thiết lập tốt mối quan hệ với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp,...chưa phối hợp tốt với PHHS và các tổ chức XH cùng GDNPT nên chưa làm thay đổi được nhận thức của các tầng lớp nhân dân nên hoạt động GDNPT còn bị coi nhẹ.

Năm là: Chưa có chính sách thỏa đáng để thu hút, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ GV có tay nghề cao, ý thức của một bộ phận cán bộ, GV còn mang nặng tính bình quân chủ nghĩa nên chưa thực sự có ý thức trau dồi chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng GDNPT theo hướng gắn với KT-XH địa phương.

Sáu là: Trang thiết bị dạy học hiện đại còn thiếu, đầu tư CSVC của các cấp QL có thẩm quyền cho trung tâm GDKTTH chưa gắn với KT-XH địa phương, chưa có các biện pháp tốt để xã hội hóa công tác GDNPT, chưa có các xưởng trường qui mô để HS thực hành

Bảy là: Nội dung chương trình còn nặng lý thuyết việc thực hành còn đơn điệu, Phương pháp giảng dạy chưa tiếp cận theo hướng đổi mới, đặc biệt là cách thức tổ chức thực hành còn lạc hậu so với thực tiễn sản xuất kinh doanh của xã hội.

Tám là: Nhận thức của các cấp QL, GV, HS và PHHS hiện nay về tầm quan trọng của hoạt động GDNPT còn bất cập; Sự mất cân đối về tỷ lệ HS đăng ký vào các nghề còn rất cao

Chín là: Cơ cấu tổ chức của trung tâm còn mang tính chung chung chưa thể hiện rõ mục tiêu quản lý hoạt động GDNPT gắn với KT-XH

Với những phân tích, đánh giá trên, để đưa ra được biện pháp quản lý hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội gắn với kinh tế - xã hội địa phương, chúng tôi đã xác định điểm mạnh; điểm yếu; thời cơ và thách thức trong giai đoạn hiện nay như sau:

2.4.2. Điểm mạnh

Trung tâm có đội ngũ cán bộ , GV nhiệt tình, tâm huyết với nghề, thường xuyên cập nhật tình hình KT-XH vùng Cầu Giấy, Từ Liêm để kịp thời định hướng, phân luồng ĐT.

Trung tâm làm nhiệm vụ GDNPT cho HS các trường THPT và HS THCS trên địa bàn nên rất thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ kép là GDHN và phân luồng HS.

Trung tâm đã phối kết hợp với trường PT cho HS tham quan hoạt động thanh niên thủ đô với nghề nghiệp để tạo điều kiện cho HS tiếp xúc với các cơ sở ĐT nghề chuyên sâu và làm quen với các doanh nghiệp tuyển dụng nhân lực.

Ban giám đốc luôn tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, giáo viên của Trung tâm được học tập nâng cao trình độ chuyên môn và sử dụng các trang thiết bị hiện đại.

2.4.3. Điểm yếu

- Về đội ngũ GV: phần thì thiếu chuyên sâu về tay nghề, phần thì thiếu kỹ năng sư phạm
- Về CSVC: còn thiếu hiện đại và thiếu thiết bị, quy mô chưa phù hợp với yêu cầu XH

2.4.4. Thời cơ

Môi trường chính trị xã hội ổn định; Trung tâm là một tổ chức đoàn kết, biết học hỏi; Được cấp trên quan tâm đầu tư và ủng hộ các hoạt động; Nhu cầu về đào tạo nghề ở Quận Cầu Giấy và Huyện Từ Liêm ngày càng tăng; Nhiều cơ sở ĐT trong nước trên địa bàn là cơ hội để trung tâm phát huy khả năng định hướng và phân luồng HS PT.

2.4.5. Thách thức

Khó tìm nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trung tâm; Cơ chế QL nguồn nhân lực, tài lực trong Trung tâm còn hạn chế,...; Đa số HS học NPT chưa tự giác rèn luyện ý thức cũng,tác phong công nghiệp; Nhận thức của XH về GDNPT còn chưa rõ ràng. Việc học NPT vẫn còn miễn cưỡng; HS PT chưa tự giác tham gia GDHN và tư vấn nghề nghiệp

Tiểu kết chương 2

Từ cơ sở lý luận ở chương 1 và cơ sở thực tiễn được phân tích đánh giá ở chương 2, đề tài đã tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội gắn với KT-XH địa phương. Đề tài đã đánh giá thực trạng, chỉ ra mặt mạnh, yếu, các cơ hội và thách thức của Trung tâm để làm cơ sở đề xuất biện pháp quản lý hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội gắn với KT-XH địa phương trong chương 3

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP SỐ 5 HÀ NỘI GẮN VỚI KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

3.1. Nguyên tắc lựa chọn biện pháp QL hoạt động GDNPT ở trung tâm GDKTTH số 5 Hà Nội gắn với KT - XH địa phương

3.2. Biện pháp quản lý hoạt động GDNPT gắn với KT - XH địa phương

3.2.1. Nhóm nhận thức

3.2.1.1. Biện pháp 1: Nâng cao tính trách nhiệm đối với CBQL tại Trung tâm

- Cán bộ quản lý, lãnh đạo Trung tâm phải nghiêm túc nhận thức được vai trò quan trọng của mình trong việc điều hành tổ chức quản lý.

- Hàng năm, CBQL phải biết nắm bắt được nhu cầu thực sự của kinh tế xã hội, nhu cầu của người học để xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy - học và cơ cấu ngành nghề ĐT và định hướng GDHN theo từng giai đoạn của lịch sử. Để làm tốt điều này cần có ý thức tìm hiểu và phân tích nhu cầu xã hội, nhu cầu của địa phương, nhu cầu của người học và nhưng mặt khác cùng đề ra những yêu cầu tối thiểu buộc phải tuân thủ để đảm bảo chất lượng và kỷ cương trong quá trình GDNPT.

- Sau mỗi khoá học phải tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm mặt được, chưa được, khi tuyển chọn giáo viên giảng dạy cho mô hình này thì các nhà quản lý phải tiến hành hết sức nghiêm túc, không được xem nhẹ chất lượng giáo viên.

3.2.1.2. Biện pháp 2: Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của GV tham gia GDNPT

- Khuyến khích, động viên giáo viên chủ động học thêm, tìm kiếm các giáo trình mới mang tính cập nhật nhưng lại phù hợp với trình độ của HS học nghề và mang tính GDHN cao.

- Giao quyền cho giáo viên giảng dạy chuẩn bị câu hỏi kiểm tra, đánh giá, phòng Đào tạo quản lý chỉ nghiệm thu (có điều chỉnh nếu thấy cần thiết).

- Trung tâm sẽ có khen thưởng hay kỷ luật xứng đáng với từng GV; đồng thời tạo điều kiện cho giáo viên tự đánh giá kết quả hoạt động giảng dạy của mình bằng việc thông báo các ý kiến đánh giá của những người liên đới cho giáo viên để giáo viên điều chỉnh.

3.2.1.3. Biện pháp 3: Nâng cao ý thức học tập, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của kiến thức NPT- hướng nghiệp nghề và học nghề cho học sinh

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của chính chủ thể (HS) về vị trí quan trọng của hoạt động GDNPT không phải để HS có một tấm vé để được cộng điểm mà việc học cho chính HS và đóng góp cho XH, chỉ rõ chính ngành nghề mà HS học sẽ có lợi ích trong tương lai.

- HS học NPT cần được chuẩn bị tốt về động cơ, thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm và được tạo điều kiện thuận lợi để lĩnh hội tri thức, hình thành một kỹ năng chủ động và có tác phong công nghiệp.

- Bồi dưỡng phương pháp học chủ động, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu sẽ làm tăng chất lượng đào tạo, phá vỡ sức ì, những mặc cảm không tốt về mô hình đào tạo này.

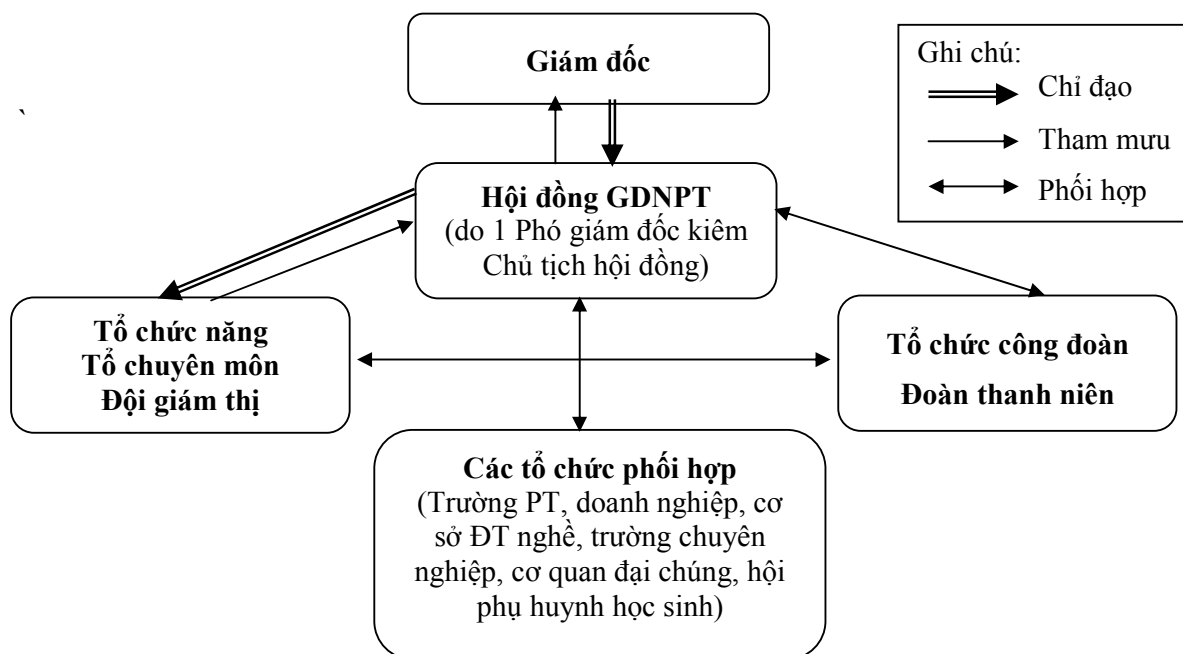
- Các nhà tổ chức nên có chính sách động viên, khen thưởng các học viên có tinh thần học tập nghiêm túc, tạo điều kiện cho họ được thử sức mình ở nhiều lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, tham gia các dự án phát triển cộng đồng, tham gia thi HS giỏi nghề.

3.2.2. Nhóm tổ chức hoạt động GDNPT

3.2.2.1. Biện pháp 1: Đổi mới bộ máy tổ chức chỉ đạo và thực hiện hoạt động GDNPT gắn với KT-XH địa phương.

* Thành lập và phát triển Hội đồng GDNPT ở trung tâm để tham mưu cho thủ trưởng triển khai nhiệm vụ GDNPT theo cơ cấu sau:

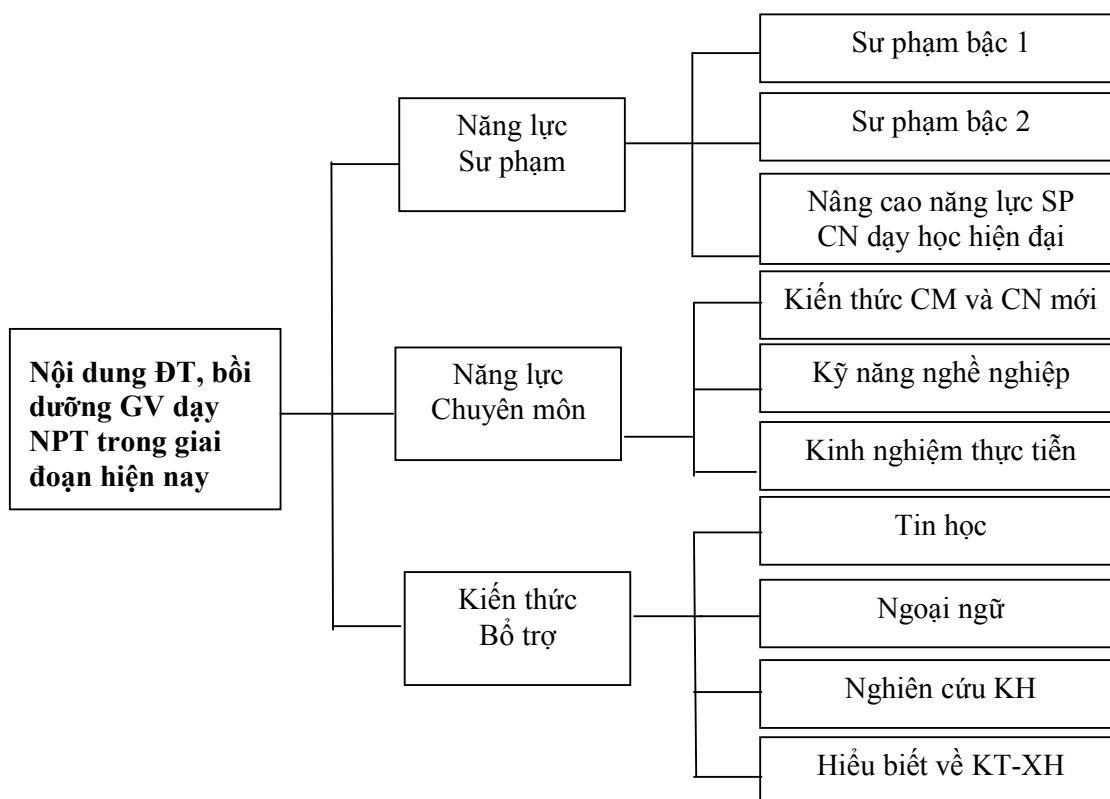
Sơ đồ 3.1: Cơ cấu lực lượng Hội đồng GDNPT của trung tâm GDKTTH



Khi chỉ đạo, điều hành, CBQL ở trung tâm cần phải phân biệt rõ quan hệ chỉ đạo, quan hệ tham mưu và quan hệ phối hợp để hoạt động của hội đồng đạt hiệu quả cao nhất.

Phát triển đội ngũ GV dạy NPT: Nâng cao năng lực chuyên môn; Bồi dưỡng tay nghề; Bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm, công nghệ dạy học hiện đại và bồi dưỡng các kiến thức bổ trợ ,..., kỹ năng sống. Tóm lại, cần ĐT, bồi dưỡng GV bao gồm các lĩnh vực theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.2: Nội dung đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề phổ thông trong giai đoạn hiện nay



*** Kế hoạch phát triển đội ngũ CBQL hoạt động GDNPT**

Trên cơ sở quy hoạch cán bộ theo hướng "mở" (một chức danh ít nhất 2 cán bộ dự nguồn, một người có thể quy hoạch vào nhiều chức danh) và "động" (hàng năm có sự điều chỉnh bổ sung nhân tố mới, ...) để cử đi học hoặc tự học theo yêu cầu. Các lĩnh vực ưu tiên ĐT bồi dưỡng CBQL về lĩnh vực GDNPT bao gồm: (1): Kiến thức, kỹ năng QL dạy nghề; (2): Kiến thức, kỹ năng quản lý nhân sự; (3): Kiến thức, kỹ năng QL tài chính; (4): Kiến thức, kỹ năng QL CSVC; (5): Kiến thức, kỹ năng QL công tác kiểm định và đánh giá chất lượng GD; (6): Kiến thức, kỹ năng QL CNTT; (7): Tin học; (8): Ngoại ngữ; (9): Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tổ chức thăm dò nhận xét của GV về tinh thần, thái độ, năng lực và uy tín của người QL, giúp cho người QL tự điều chỉnh, học tập vươn lên, đồng thời giúp cấp trên có thêm thông tin để đánh giá cấp dưới. Có kế hoạch cho CBQL tham quan thực tế, học hỏi kinh nghiệm QL của các đơn vị khác và tham gia tập huấn ở cấp toàn quốc về hoạt động GDNPT.

3.2.2.2. Biện pháp 2: Phân cấp quản lý, tạo ra sự chủ động trong các bộ phận

Từng thành viên có kế hoạch cụ thể của mình cho một học kỳ, một năm học gửi trường phòng, trưởng bộ môn. Các phòng, các tổ, nhóm chuyên môn có kế hoạch chung gửi Ban giám đốc từ đầu năm. Do vậy, trong quá trình QL, Ban giám đốc trung tâm nắm rất rõ chức năng, nhiệm vụ của từng người cũng như trách nhiệm của từng thành

viên của trung tâm. Việc phân công chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng đến các thành viên sẽ giúp quá trình QL hoạt động GDNPT đạt hiệu quả cao.

3.2.2.3. Biện pháp 3: Đổi mới nội dung GDNPT theo hướng gắn với KT - XH địa phương, tăng cường học liệu cho người học, tăng cường cơ cấu ngành nghề cho phù hợp với cơ cấu KT-XH địa phương.

- Xây dựng danh mục NPT cần bổ sung cho phù hợp với KT-XH địa phương đó là: (1) Dịch vụ du lịch; (2) Chụp ảnh; (3) Quản trị kinh doanh; (4) Làm bánh kem; (5) Móc chỉ.

Nội dung đào tạo cần phải lồng ghép GDNPT với GDHN theo quy trình:

Quy trình tư vấn chọn nghề trước khi HS đăng ký học NPT, để HS có được sự lựa chọn tối ưu nhất, hài hòa nhất giữa sở thích, năng lực cá nhân với nhu cầu nguồn nhân lực; Trong quá trình tổ chức hoạt động GDNPT, GV triển khai quy trình lồng ghép công tác tư vấn sau từng buổi học thực hành và cuối kỳ đưa ra kết luận về lời khuyên chọn nghề trong tương lai trên cơ sở kết quả phân tích các trắc nghiệm tâm lý và kết quả, thái độ học NPT.

Nội dung chương trình ĐT phải theo sát với mục tiêu ĐT. Nội dung ĐT phải phù hợp với thực tiễn. GV trung tâm phải tổ chức biên soạn tài liệu sao cho phù hợp ngành nghề ĐT, tài liệu xây dựng cần phải qui định những nội dung thiết yếu nhất trên các mặt: giáo dục tư tưởng đạo đức, bồi dưỡng tri thức văn hoá và rèn luyện kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp. Phải xây dựng cấp độ mục tiêu cho từng chương, bài phỏng theo quan niệm của BS. Bloom.

3.2.2.4. Biện pháp 4: Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy thực hành theo hướng gắn với KT - XH địa phương

- Mở rộng mối quan hệ liên kết với các doanh nghiệp, tạo điều kiện hỗ trợ về CSVC cho công tác ĐT theo hướng để GV, HS được tiếp cận với trang thiết bị tại chính doanh nghiệp.

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa, huy động các doanh nghiệp, cá nhân có tay nghề cao cùng hợp tác đầu tư mở ra mô hình xưởng thực tập kết hợp với sản xuất và cung cấp các dịch vụ phù hợp với ngành nghề đào tạo và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương tại trung tâm. Qua đó học sinh được tiếp cận trực tiếp với nhà tuyển dụng đồng thời nâng cao chất lượng dạy nghề, học sinh tốt nghiệp dễ dàng được các doanh nghiệp chấp nhận.

- Tạo điều kiện để giáo viên và học viên được tiếp cận, sử dụng với các phương tiện máy móc, công nghệ hiện đại ở các doanh nghiệp mà tại trung tâm không mua sắm được.

- Ký hợp đồng đào tạo theo nhu cầu nhân lực của một số doanh nghiệp. Việc làm này tạo điều kiện cho trung tâm tận dụng được cơ sở vật chất của doanh nghiệp phục vụ cho công tác đào tạo (vì có thể đặt lớp tại doanh nghiệp).

3.2.2.5. Biện pháp 5: Đổi mới phương pháp dạy học thực hành NPT theo hướng gắn với KT - XH địa phương

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng: (1). Bồi dưỡng kỹ năng hợp tác, thảo luận, thi đua giữa các nhóm góp phần gây hứng thú cho HS; (2). Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm và kỹ năng sản xuất theo dây chuyền công nghệ và tăng cường tính hiệu quả của mỗi buổi dạy NPT; (3). Sử dụng giáo án điện tử để GV chiếu phần tóm tắt lý thuyết, các công thức liên quan và kết nối Internet để HS "tham quan" dây truyền sản xuất sản phẩm đang thực hành ở cơ sở sản xuất để tạo hứng thú cho HS khi thực hành đồng thời lồng ghép GDNPT với GDHN; (4). Thể hiện rõ tiêu chí về GD môi trường, an toàn lao động và đặc biệt là tác phong công nghiệp; (5). Tổ chức cho HS chấm chéo sản phẩm của nhau góp phần thực hiện chủ trương biến quá trình ĐT thành tự ĐT. Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực chủ động của HS và theo hướng gắn với KT-XH được thể hiện như sau:

- * Cải tiến quy trình buổi thực hành (gồm 7 bước)
- * Xây dựng quy định đối với HS thực hành NPT (gồm 10 yêu cầu)
- * Xây dựng quy định đối với GV dạy thực hành NPT (gồm 4 tiêu chí)
- * Xây dựng Barem chấm bài thực hành NPT (gồm 5 tiêu chí)

3.2.2.6. Biện pháp 6: Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GD NPT

Cải tiến việc kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học liên quan đến: đánh giá hoạt động sư phạm của giáo viên; đánh giá kết quả học tập của học sinh vì vậy nội dung của biện pháp phải bao gồm cả hai lĩnh vực này.

**Đánh giá giờ lên lớp của giáo viên:* thông qua đánh giá của đồng nghiệp (tốt nhất là cùng chuyên ngành) qua việc dự giờ (bằng phiếu dự giờ) và phân tích kết quả đánh giá sau khi dự giờ; *Sự đánh giá của người học* (bằng phiếu lấy thông tin ngược về giờ giảng và dự luận của HS)

**Kiểm tra, đánh giá học sinh học NPT:* Tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh dưới hình thức trắc nghiệm khách quan và thi thực hành tay nghề.

Việc kiểm tra thực hành để đánh giá tay nghề (kỹ năng thực hành nghề nghiệp của HS) cần chia nhỏ các kỹ năng để đánh giá theo barem chấm thực hành NPT đã nêu ở biện pháp 5.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hình thức trắc nghiệm khách quan cần lưu ý chất lượng,... của các câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

3.2.3. Nhóm hỗ trợ

3.2.3.1. Biện pháp 1: Tăng cường mối quan hệ với lãnh đạo các cấp, tạo sự ủng hộ về chủ trương, đường lối đổi mới của trung tâm

- Nhờ các mối quan hệ sẵn có của trung tâm, mở rộng mối quan hệ với lãnh đạo các cấp, các đơn vị liên quan, các đơn vị liên kết đào tạo để mở rộng ngành nghề đào tạo.

- Đưa các chính sách hỗ trợ của nhà nước về Trung tâm

- Phối hợp chặt chẽ với PHHS; các tổ chức xã hội của địa phương như: đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ, hội nông dân... để điều tra nhu cầu về nghề nghiệp của địa phương, để làm công tác tuyên truyền GDHN để phân luồng HS góp phần cân bằng cơ cấu ngành nghề ở địa phương.

3.2.3.2. Biện pháp 2: Xây dựng cơ chế phối hợp giữa trường PT, trung tâm GDKTTH (cơ sở ĐT nghề) và doanh nghiệp trong việc tổ chức hoạt động GDNPT

Xây dựng cơ chế phối hợp bao gồm: "Cơ chế pháp lý"; "Cơ chế tình cảm": Tạo nên sự đồng thuận và tinh thần trách nhiệm của mỗi bên và "Cơ chế ngành, lãnh thổ": tạo nên sự phối hợp ngang, dọc. Qua đó, phải thể hiện được mối quan hệ giữa các bộ phận (từng thiết chế nêu trên) trong cấu trúc (các cơ sở có tổ chức hoạt động GDNPT và doanh nghiệp).

Trung tâm GDKTTH cùng với nhà trường PT lập kế hoạch GDNPT hàng năm; phối hợp với trường PT cử chuyên gia của trung tâm tới trường PT làm công tác TVHN; và có trách nhiệm với nhà trường trong việc QL HS học NPT tại trung tâm đồng thời thống nhất về nội dung, chương trình nhất là nội dung lồng ghép về TVHN, GD môi trường, GD ý thức, tác phong,... Hai bên tổ chức thông tin hai chiều để có sự điều chỉnh những phát sinh

Kêu gọi các doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho HS đến thăm quan học hỏi hoặc trao học bổng cho HS giỏi NPT. Huy động "trí lực" trong nhân dân bằng cách mời, vận động hoặc tôn vinh những nghệ nhân các chuyên gia giỏi về các lĩnh vực nghề đến nói chuyện, hướng dẫn HS thực hành nghề miễn phí cho HS. Phối hợp, quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp vận động HS nhất là những tài năng trẻ về làm việc tại doanh nghiệp mình sau khi ra trường. Tiến hành bàn bạc với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trên địa bàn đồng thời nắm bắt nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp để tiến hành định hướng nghề nghiệp.

3.3. Kiểm chứng sự nhận thức về tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp

3.3.1. Kết quả khảo sát tính cần thiết của các biện pháp

Bảng 3.1: Kết quả khảo sát tính cần thiết của các biện pháp

STT	Tên biện pháp	Tính cần thiết		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
I. NHÓM NHẬN THỨC				
1.	Biện pháp 1: <i>Nâng cao tính trách nhiệm đối với cán bộ quản lý tại Trung tâm</i>	90%	10%	0%
2.	Biện pháp 2: <i>Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của giáo viên tham gia GDNPT cho HS</i>	80%	20%	0%
3.	Biện pháp 3: <i>Nâng cao ý thức học tập, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của học nghề cho học sinh</i>	90%	10%	0%
II. NHÓM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG				
4.	Biện pháp 1: <i>Đổi mới bộ máy tổ chức chỉ đạo và thực hiện hoạt động GDNPT gắn với KT-XH địa phương.</i>	90%	10%	0%

5.	Biện pháp 2: <i>Phân cấp quản lý, tạo ra sự chủ động trong các bộ phận</i>	90%	10%	0%
6.	Biện pháp 3: <i>Đổi mới nội dung GDNPT theo hướng gắn với KT - XH địa phương, tăng cường học liệu cho người học, tăng cường cơ cấu ngành nghề cho phù hợp với cơ cấu kinh tế xã hội địa phương</i>	70%	20%	10%
7.	Biện pháp 4: <i>Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy thực hành theo hướng gắn với KT-XH địa phương</i>	80%	10%	10%
8.	Biện pháp 5: <i>Đổi mới phương pháp dạy học thực hành NPT theo hướng gắn với KT - XH địa phương</i>	90%	10%	0%
9.	Biện pháp 6: <i>Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GDNPT</i>	80%	10%	10%
III. NHÓM HỖ TRỢ				
10.	Biện pháp 1: <i>Tăng cường mối quan hệ với lãnh đạo các cấp, tạo sự ủng hộ về chủ chương, đường lối đổi mới của trung tâm</i>	70%	20%	10%
11.	Biện pháp 2: <i>Xây dựng cơ chế phối hợp giữa trường PT, trung tâm GDKTTH (cơ sở ĐT nghề) và doanh nghiệp trong việc tổ chức hoạt động GDNPT</i>	80%	20%	0%

3.3.2. Kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp

Bảng 3.2: Kết quả khảo sát tính khả thi của các biện pháp

STT	Tên biện pháp	Tính khả thi		
		Rất khả thi	Khả thi	Không Khả thi
I. NHÓM NHẬN THỨC				
1.	Biện pháp 1: <i>Nâng cao tính trách nhiệm đối với cán bộ quản lý tại Trung tâm</i>	80%	20%	0%
2.	Biện pháp 2: <i>Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của giáo viên tham gia GDNPT cho HS</i>	90%	10%	0%
3.	Biện pháp 3: <i>Nâng cao ý thức học tập, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của học nghề cho học sinh</i>	80%	10%	10%
II. NHÓM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG				
4.	Biện pháp 1: <i>Đổi mới bộ máy tổ chức chỉ đạo và thực hiện hoạt động GDNPT gắn với KT-XH địa phương.</i>	90%	10%	0%
5.	Biện pháp 2: <i>Phân cấp quản lý, tạo ra sự chủ động trong các bộ phận</i>	80%	20%	0%

6.	Biện pháp 3: <i>Đổi mới nội dung GDNPT theo hướng gắn với KT - XH địa phương, tăng cường học liệu cho người học, tăng cường cơ cấu ngành nghề cho phù hợp với cơ cấu kinh tế xã hội địa phương</i>	70%	20%	10%
7.	Biện pháp 4: <i>Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy thực hành theo hướng gắn với KT-XH địa phương</i>	80%	20%	0%
8.	Biện pháp 5: <i>Đổi mới phương pháp dạy học thực hành NPT theo hướng gắn với KT - XH địa phương</i>	80%	20%	0%
9.	Biện pháp 6: <i>Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GDNPT</i>	80%	20%	0%
III. NHÓM HỖ TRỢ				
10.	Biện pháp 1: <i>Tăng cường mối quan hệ với lãnh đạo các cấp, tạo sự ủng hộ về chủ chương, đường lối đổi mới của trung tâm</i>	70%	20%	10%
11.	Biện pháp 2: <i>Xây dựng cơ chế phối hợp giữa trường PT, trung tâm GDKTTH (cơ sở ĐT nghề) và doanh nghiệp trong việc tổ chức hoạt động GDNPT</i>	80%	10%	10%

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn ở chương 1 và chương 2, luận văn đã đề xuất một số biện pháp cụ thể về QL hoạt động GDNPT gắn với KT-XH địa phương. Các biện pháp này có mối liên hệ hữu cơ và đồng bộ với nhau. Theo kết quả khảo nghiệm cho thấy hệ thống các biện pháp có tính cấp thiết và có tính khả thi rất cao. Trong đó những biện pháp được đánh giá là rất khả thi và có khả năng chủ động thực hiện, ít bị chi phối bởi yếu tố khách quan được các chuyên gia đánh giá là có tính khả thi cao, chẳng hạn biện pháp 1 và 2 trong nhóm nhận thức, biện pháp 1, 2, 5 trong nhóm tổ chức hoạt động và biện pháp 2 trong nhóm hỗ trợ.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Hoạt động GDNPT là hoạt động GD nghề nghiệp cho HSPT, là sự giao thoa giữa GDPT và GD nghề nghiệp. Mục tiêu của hoạt động GDNPT được cụ thể hóa theo các nội dung như sau: Về kiến thức: GD cho HS hiểu được một số kiến thức cơ bản về công cụ, kỹ thuật, quy trình công nghệ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với NPT đã học và biết được đặc điểm và yêu cầu của nghề đó; Về kỹ năng: Hình thành cho HS một số kỹ năng sử dụng công cụ lao động, kỹ năng thực hành theo quy trình công nghệ để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của GDNPT và phát triển nhu cầu vận dụng kiến thức vào thực tiễn; Về thái độ của người học: Phát triển hứng thú kỹ thuật và nhu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào lao động, hình thành thói quen làm việc có kế hoạch, tuân thủ quy trình công nghệ và đảm bảo an toàn lao động, bước đầu có tác

phong công nghiệp và có tình yêu lao động. Vì vậy hoạt động này góp phần thực hiện công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau khi tốt nghiệp, góp phần điều chỉnh cơ cấu lao động đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH trong bối cảnh mới.

- Quản lý hoạt động GDNPT trung tâm GDKTTH bao gồm các nội dung cụ thể: Xây dựng bộ máy điều hành, thực thi các nội dung cụ thể của hoạt động GDNPT; Triển khai hoạt động GDNPT bằng cách tổ chức thực hiện các tác động quản lý như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá và điều chỉnh.

- Quản lý hoạt động GDNPT gắn với KT - XH địa phương là một việc làm cấp thiết hiện nay. Muốn làm được việc này chúng ta cần đánh giá đúng thực trạng của đơn vị, tình hình KT - XH địa phương và từ đó đưa ra các biện pháp nhằm tạo nên sự đổi mới trong công tác quản lý.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ, Sở GD&ĐT

- Cần sớm ban hành quy định về "chuẩn quốc gia" đối với thiết chế trung tâm GDKTTH để việc đầu tư cho hệ thống trung tâm GDKTTH mang tính đồng bộ, chuẩn tắc, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác dạy NPT.

- Cần chỉ đạo và giám sát việc thực hiện đổi mới chương trình dạy NPT theo hướng lồng ghép hoạt động GDNPT với hoạt động GDHN có sử dụng phần mềm tư vấn hướng nghiệp và các thiết bị chuyên dùng khác.

- Cần phối hợp với Bộ lao động và thương binh xã hội để liên thông chứng chỉ NPT (không chỉ là "giấy chứng nhận NPT" như hiện nay) với các chứng chỉ nghề ngắn hạn, dài hạn để kích thích việc hăng say học NPT của HS và tránh lãng phí thời gian, tiền bạc ĐT nghề ngắn hạn cho người lao động.

- Cần căn cứ vào Luật GD đã được ban hành, kiến nghị nhà nước sớm ban hành hệ thống văn bản dưới luật quy định nhiệm vụ của các doanh nghiệp trong mối quan hệ hợp tác với trung tâm để phát triển đào tạo nghề, nhằm một mặt tạo cơ sở pháp lý cho sự liên kết, mặt khác, quan trọng hơn, tạo điều kiện để hai đơn vị đi tới liên kết.

- Nhà nước sớm hình thành một tổ chức có chức năng nhiệm vụ điều phối các hoạt động phối hợp giữa trung tâm GDKTTH, các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kinh tế, xã hội.

2.2. Khuyến nghị về phương hướng nghiên cứu tiếp theo

- Mở rộng phạm vi nghiên cứu các biện pháp quản lý hoạt động GDNPT ở các trung tâm GDKTTH trên toàn thành phố Hà Nội

- Đi sâu vào vấn đề liên thông chương trình GDNPT cấp THCS với cấp THPT và với chương trình trung cấp nghề

- Xây dựng mô hình QL hoạt động GDNPT trong bối cảnh hội nhập quốc tế, trong đó chú trọng nghiên cứu việc tổ chức hoạt động GDNPT ngay tại trường PT.

